

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2020/DS-ST

Ngày: 01-9-2020.

“V/v tranh chấp về hợp đồng mua
bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Kương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2020/TLST-DS ngày 10/6/2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2020/QĐST-DS ngày 22/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 253B, khóm B2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 103, ấp BP, xã B, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2020, Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 10/6/2020 và Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/7/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 27/02/2019 âm lịch, ông H có bán một chiếc xe Wave Anpha, màu xanh do ông H đứng tên, biển số 66V1-572.21, được cấp Giấy chứng nhận

đăng ký xe mô tô, xe máy ngày 17/01/2018 cho anh Nguyễn Văn K, với giá 18.000.000 đồng. Hình thức thanh toán là anh K trả trước số tiền 7.000.000 đồng, còn lại số tiền 11.000.000 đồng sẽ thanh toán sau 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, anh K đã thanh toán cho ông H số tiền 7.000.000 đồng, nhưng anh K mượn lại số tiền 500.000 đồng, nên anh K mới thanh toán cho ông H được số tiền 6.500.000 đồng. Việc mua bán giữa các bên có làm tờ hợp đồng mua bán xe, ông H là người viết, điền thông tin vào hợp đồng, phía bên người mua là anh K ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng. Sau đó, ông H giao chiếc xe cho anh K và bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy. Việc giao nhận tiền các bên chỉ ghi vào hợp đồng, chứ không có làm biên nhận riêng. Hết thời hạn 03 tháng thỏa thuận theo hợp đồng nhưng anh K chưa thanh toán xong số tiền 11.500.000 đồng còn lại, nên ông H đã nhiều lần yêu cầu anh K thanh toán. Đến ngày 20/12/2019, anh K thanh toán tiếp cho ông H được số tiền 5.000.000 đồng. Do đó, anh K còn phải thanh toán số tiền còn nợ lại là 6.500.000 đồng cho ông H.

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2020, ông H yêu cầu anh K có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền còn nợ mua xe là 11.500.000 đồng và ông H không yêu cầu tính lãi. Tại phiên họp và phiên tòa ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu anh K có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền còn nợ mua xe là 6.500.000 đồng và ông H không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông H không có yêu cầu gì khác.

Về tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông H, thì ngoài chứng cứ là Hợp đồng mua bán xe ngày 27/02/2019 (bản chính), Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 041944 (bản sao), thì ông H không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để giao nộp cho Tòa án.

- Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/6/2020, bị đơn Nguyễn Văn K trình bày:

Anh K thống nhất với tất cả các nội dung trình bày của ông H. Anh K thừa nhận hiện nay còn nợ số tiền mua xe của ông H là 6.500.000 đồng. Anh K đề nghị ông H cho anh K được trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi anh K trả xong. Do anh K đang bị bệnh nên không có đi làm được và cũng không có thu nhập như lúc trước. Ngoài ra, anh K không có ý kiến gì trình bày thêm.

Bị đơn Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có người đại diện tham gia phiên họp, xét xử. Tại phiên lấy lời khai của đương sự ngày 22/6/2020, bị đơn đã thừa nhận nợ, không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật

tổ tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn Nguyễn Văn K trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án trong quá trình mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn H. Buộc anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 6.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét thấy, nguyên đơn Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn K trả số tiền nợ mua xe là 6.500.000 đồng, nên đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời, bị đơn có nơi cư trú tại ấp BP, xã B, huyện L, tỉnh Đ, cho nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, bị đơn Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu và phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2020, ông H yêu cầu anh K có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền còn nợ mua xe là 11.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Tại phiên họp và phiên tòa, ông H thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu anh K có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền còn nợ mua xe là 6.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[4] Vấn đề này, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[4.1] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Xét thấy, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Văn H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ mua xe là 5.000.000 đồng do bị đơn đã trả thêm là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4.2] Về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ mua xe là 6.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, đó là: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Tại khoản 3 Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nguồn của chứng cứ, gồm có: *“Lời khai của đương sự”*. Và tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về xác định chứng cứ, đó là: *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”*.

Theo đó, ông H cung cấp bản chính Hợp đồng mua bán xe ngày 27/02/2019 thể hiện số tiền mua bán xe các bên thảo thuận là 18.000.000 đồng, anh K đã thanh toán được số tiền 6.500.000 đồng và thừa nhận anh K đã trả thêm được số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 6.500.000 đồng. Tại phiên lấy lời khai của đương sự ngày 22/6/2020, anh K thống nhất với tất cả các nội dung trình bày của ông H và thừa nhận còn nợ số tiền mua xe của ông H là 6.500.000 đồng và đề nghị ông H cho anh K trả dần mỗi hàng tháng một ít cho đến khi trả xong.

Như vậy, bản chính Tờ hợp đồng mua bán xe ngày 27/02/2019 là tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, lời khai của các đương sự (nguyên đơn và bị đơn) vào các ngày 10 và 22/6/2020 được coi là nguồn của chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hơn nữa, bị đơn Nguyễn Văn K thừa nhận tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn Nguyễn Văn H đưa ra, thì bên nguyên đơn không phải chứng minh và đây được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chính vì vậy, việc nguyên đơn Nguyễn Văn H yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ mua xe là 6.500.000 đồng, không yêu cầu lãi suất chậm thanh toán là có căn cứ và hợp pháp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H được chấp nhận toàn bộ và bị đơn Nguyễn Văn K không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị đơn Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 94, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 429, 430, 440, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu anh Nguyễn Văn K trả số tiền còn nợ mua xe là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu anh Nguyễn Văn K trả số tiền còn nợ mua xe là 6.500.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

3. Buộc anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Anh Nguyễn Văn K phải chịu 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số BI/2019/0005725 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thành Nhân